

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2009/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 02 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về quản lý thu thuế đối với hoạt động kinh doanh vận tải bằng ô tô trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 36/2007/QĐ-UBND ngày 24/12/2007 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006;

Căn cứ Luật thuế Giá trị gia tăng (GTGT) số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và các văn bản quy định, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và các văn bản quy định, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) số 04/2007/QH 12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Hợp tác xã số 18/2003/QH11 ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 75/2002/NĐ-CP ngày 30/8/2002 của Chính phủ về điều chỉnh mức thuế môn bài; Thông tư số 96/2002/TT-BTC ngày 24/10/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 75/2002/NĐ-CP ngày 30/8/2002 của Chính phủ về việc điều chỉnh mức thuế Môn bài; Thông tư số 113/2002/TT-BTC ngày 16/12/2002 hướng dẫn bổ sung Thông tư 96/2002/TT-BTC ngày 24/10/2002 của Bộ Tài chính về việc điều chỉnh mức thuế Môn bài; Thông tư số 42/2003/TT-BTC ngày 7/5/2003 hướng dẫn bổ sung, sửa đổi Thông tư 96/2002/TT-BTC ngày 24/10/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 75/2002/NĐ-CP ngày 30/8/2002 của Chính phủ về việc điều chỉnh mức thuế Môn bài ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 86/2007/TTLT/BTC-BGTVT ngày 18/7/2007 của liên Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về mẫu vé xe khách, kê khai giá cước, niêm yết giá cước và kiểm tra thực hiện giá cước vận tải bằng ô tô.

Căn cứ Quyết định số 36/2007/QĐ-UBND ngày 24/12/2007 của UBND tỉnh quy định về quản lý thu thuế đối với hoạt động kinh doanh vận tải bằng ô tô trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi tại Tờ trình số 3532/TT- CT ngày 22/12/2008 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 236/BC-STP ngày 18/12/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định quản lý thu thuế đối với hoạt động kinh doanh vận tải bằng ô tô trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 36/2007/QĐ-UBND ngày 24/12/2007 của UBND tỉnh, như sau:

1. Khoản 2, Điều 4:

Hộ kinh doanh vận tải nộp thuế Giá trị gia tăng (GTGT) và thuế Thu nhập cá nhân (TNCN) theo mức thuế khoán cho từng phương tiện vận tải.

Doanh thu tính mức thuế khoán của từng phương tiện vận tải được xác định bằng doanh thu ấn định bình quân tháng của tấn trọng tải hoặc 01 ghế thiết kế của từng loại phương tiện tại phụ lục kèm theo Quyết định này nhân với số tấn trọng tải hoặc số ghế thiết kế ghi trên giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện đó.

2. Khoản 3, Điều 4:

Trường hợp hộ kinh doanh vận tải sử dụng hoá đơn, vé xe để cung cấp cho khách hàng, nếu tổng doanh thu trên các hoá đơn, các vé xe trong tháng lớn hơn doanh thu ấn định tính theo Quy định này thì số thuế GTGT, TNCN của tháng đó được xác định theo tổng doanh thu trên các hoá đơn, các vé xe.

3. Khoản 4, Điều 4:

- Miễn, giảm thuế đối với hộ kinh doanh vận tải được thực hiện theo quy định Luật thuế GTGT, Luật thuế TNCN và các văn bản quy định, hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Những nội dung khác tại Quyết định số 36/2007/QĐ-UBND ngày 24/12/2007 của UBND tỉnh không sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Liên minh các Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế

**Doanh thu ấn định bình quân tháng của
01 tấn trọng tải hoặc 01 ghế thiết kế**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2009/QĐ-UBND
ngày 13/02/2009 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: đồng

| STT | Loại hình hoạt động kinh doanh vận tải | Doanh thu bình quân theo mức dự kiến |
|----------|---|--------------------------------------|
| 1 | <i>Vận tải hàng hoá</i> | |
| a | Xe tải thùng | 1.800.000 |
| b | Xe tải ben | 1.300.000 |
| | Riêng xe tải ben dưới 01 tấn | 580.000 |
| 2 | <i>Vận tải hành khách</i> | |
| a | Liên tỉnh (tuyến cố định) | |
| | - Trên 300 km | 560.000 |
| | Riêng xe chất lượng cao | 730.000 |
| | - Từ 300 km trở xuống | 510.000 |
| b | Nội tỉnh (tuyến cố định) | |
| | - Quảng Ngãi – Ba Tư | 176.000 |
| | - Quảng Ngãi – Sơn Hà | 162.000 |
| | - Quảng Ngãi – Sơn Linh | 144.000 |
| | - Quảng Ngãi – Trà Bồng | 144.000 |
| | - Quảng Ngãi – Minh Long | 87.000 |
| | - Quảng Ngãi – Sa Huỳnh | 180.000 |
| | - Quảng Ngãi - Đức Phổ | 120.000 |
| | - Quảng Ngãi - Thạch Trụ | 90.000 |
| | - Thạch Trụ - Ba Tư | 87.000 |
| | - Châu Ô - Trà Bồng | 87.000 |
| | - Quảng Ngãi – Sơn Tây | 162.000 |
| | - Quảng Ngãi – Tây Trà | 144.000 |
| | - Từ 10 km đến 25 km | 60.000 |
| | - Dưới 10 km | 30.000 |
| c | Vận tải khách theo hợp đồng, vận tải khách bằng taxi, vận tải khách du lịch | 900.000 |